

# **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 28

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyên giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:pP

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5,782,218,104,857</b>	<b>6,255,496,358,009</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>827,783,770,177</b>	<b>1,494,332,170,846</b>
1. Tiền	111	5	281,583,199,598	250,993,683,222
2. Các khoản tương đương tiền	112		546,200,570,579	1,243,338,487,624
<b>II. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1,578,648,707,157</b>	<b>1,785,999,305,051</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	1,495,983,810,520	1,678,543,385,102
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	37,475,210,563	82,507,295,063
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		23,719,520,000	6,400,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	64,774,131,168	63,069,490,759
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,303,965,094)	(44,520,865,873)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>3,254,338,593,622</b>	<b>2,888,111,274,480</b>
1. Hàng tồn kho	141		3,444,696,834,978	2,909,835,559,944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(190,358,241,356)	(21,724,285,464)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>121,447,033,901</b>	<b>87,053,607,632</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	27,076,513,096	9,447,163,377
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		93,498,790,623	77,381,600,642
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		871,730,182	224,843,613

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>573,071,018,721</b>	<b>289,326,210,007</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22,404,577,034</b>	<b>17,641,047,356</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	22,404,577,034	17,641,047,356
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>95,633,913,128</b>	<b>94,483,668,976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	32,282,943,499	34,103,023,987
<i>Nguyên giá</i>	222		70,980,186,026	62,327,518,425
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38,697,242,527)	(28,224,494,438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	63,350,969,629	60,380,644,989
<i>Nguyên giá</i>	228		69,168,297,228	64,410,569,080
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,817,327,599)	(4,029,924,091)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>318,293,082</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	318,293,082
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>70,627,336,629</b>	<b>65,269,613,977</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	62,083,786,629	64,592,063,977
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,543,550,000	677,550,000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>384,405,191,930</b>	<b>111,613,586,616</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8,959,419,363	5,138,360,401
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		89,142,419,300	94,010,830,377
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,248,006,055	9,300,355,997
4. Lợi thế thương mại	269	13	277,055,347,212	3,164,039,841
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6,355,289,123,578</b>	<b>6,544,822,568,016</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

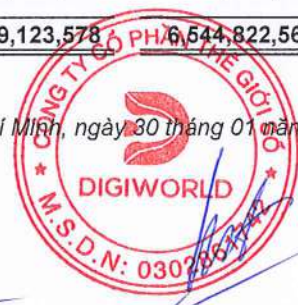
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3,932,007,390,301</b>	<b>4,763,537,900,634</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3,882,135,103,764</b>	<b>4,753,295,358,270</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	1,210,476,408,516	2,844,456,070,195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	95,943,311,704	72,175,292,673
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	38,651,778,315	71,114,497,327
4. Phải trả người lao động	314		28,120,828,619	26,738,314,917
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	306,510,997,307	604,946,065,347
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		247,446,844	47,574,891
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	287,433,150,342	16,589,605,048
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1,914,826,375,993	1,117,227,937,872
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		(75,193,876)	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49,872,286,537</b>	<b>10,242,542,364</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	5,858,629,427	6,058,629,427
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		41,100,000,000	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,913,657,110	4,183,912,937
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,423,281,733,277</b>	<b>1,781,284,667,382</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,423,281,733,277</b>	<b>1,781,284,667,382</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	1,632,299,430,000	885,520,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,632,299,430,000	885,520,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,302,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	706,724,931,528	838,318,380,446
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		22,941,644,446	183,945,576,480
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		683,783,287,082	654,372,803,966
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		28,926,547,499	2,085,212,686
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6,355,289,123,578</b>	<b>6,544,822,568,016</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023


Trần Quốc Tâm  
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy Kế	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.1	4,267,569,167,184	8,025,213,972,488	22,138,437,361,611	21,302,662,313,033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20.1	(192,446,478,211)	(151,862,738,926)	(79,229,675,376)	(379,848,844,254)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20.1	4,075,122,688,973	7,873,351,233,562	22,059,207,686,235	20,922,813,468,779
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(3,605,299,884,815)	(7,263,478,448,178)	(20,396,747,935,946)	(19,414,819,300,276)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		469,822,804,158	609,872,785,384	1,662,459,750,289	1,507,994,168,503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	67,876,618,447	67,855,981,891	209,046,617,972	180,130,142,609
7. Chi phí tài chính	22	22	(73,499,848,935)	(21,755,746,541)	(144,032,907,196)	(42,367,478,869)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(41,567,513,759)	(12,005,528,257)	(99,165,599,216)	(31,886,522,705)
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(705,567,181)	1,781,082,392	(1,826,431,065)	(2,377,600,080)
9. Chi phí bán hàng	25	23	(223,219,460,189)	(211,810,541,046)	(721,767,972,398)	(708,282,903,403)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(40,238,001,394)	(41,362,222,905)	(135,821,551,618)	(113,703,929,084)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		200,036,544,906	404,581,339,175	868,057,505,984	821,392,399,676
12. Thu nhập khác	31	24	1,379,357,981	676,348,892	2,080,047,652	1,251,414,527
13. Chi phí khác	32	24	(3,875,839,238)	(1,367,064,510)	(7,769,877,426)	(2,804,554,398)
14. Lợi nhuận khác	40	24	(2,496,481,257)	(690,715,618)	(5,689,829,774)	(1,553,139,871)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197,540,063,649	403,890,623,557	862,367,676,210	819,839,259,805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(53,666,677,066)	(135,627,337,258)	(175,167,174,169)	(220,854,928,421)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		11,677,296,561	55,914,320,232	(3,598,155,250)	55,914,320,232
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		155,550,683,144	324,177,606,531	683,602,346,791	654,898,651,616
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		155,754,386,747	323,997,471,322	683,783,287,082	654,372,803,966
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(203,703,603)	180,135,209	(180,940,291)	525,847,650
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		961	2,058	4,221	4,157

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Trần Quốc Tâm  
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Chủ tịch HĐQT



**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>							
1. Lợi nhuận trước thuế	01		197,540,063,649	403,890,623,557	862,367,676,210	819,839,259,805	
2. Điều chỉnh cho các khoản:							
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		6,876,460,310	1,679,875,369	12,835,431,569	6,289,637,096	
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		5,095,143,668	5,880,365,665	167,417,055,113	5,880,365,665	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9,477,662,137)	(5,916,649,545)	(2,591,469,959)	(5,916,649,545)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,128,575,909)	(19,658,519,247)	(45,267,166,661)	(34,801,760,900)	
- Chi phí lãi vay	06		(18,621,124,800)	12,005,528,257	38,976,960,657	31,886,522,705	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		164,284,304,781	397,881,224,056	1,033,738,486,929	823,177,374,826	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		688,426,626,260	123,062,956,579	264,559,986,716	(762,021,889,812)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(537,530,850,943)	(1,958,827,142,537)	(534,861,275,034)	(2,066,411,669,529)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	-	16,514,545,540	2,414,497,313,835	(1,678,547,308,077)	2,365,449,755,467	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19,056,302,927)	(5,646,978,302)	(21,450,408,681)	(4,970,024,002)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		23,107,069,796	(13,393,525,853)	(27,671,805,824)	(30,207,571,034)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41,369,750,600)	(92,027,203,730)	(211,821,387,644)	(175,747,869,026)	
			-	-	-	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>261,346,550,827</b>	<b>865,546,644,048</b>	<b>(1,176,053,711,615)</b>	<b>149,268,106,890</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>							
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,721,347,550)	(12,260,392,715)	(13,227,342,811)	(12,425,692,715)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	300,000,000	-	300,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		7,328,480,000	2,000,000,000	(17,319,520,000)	(6,400,000,000)	
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(25,764,433,626)	70,050,000	(282,332,587,343)	(9,879,000,000)	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,193,472,225	19,963,448,555	52,561,287,971	40,645,803,365	
			-	-	-	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3,963,828,951)</b>	<b>10,073,105,840</b>	<b>(260,318,162,183)</b>	<b>12,241,110,650</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	22,000,000,000	12,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	(30,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,037,678,812,756	1,669,718,872,234	9,983,737,010,218	4,902,497,432,817
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,454,421,519,058)	(1,619,853,562,427)	(9,145,283,375,752)	(4,414,870,569,153)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	(90,597,556,000)	(44,200,278,000)
			-	-		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(416,742,706,302)</b>	<b>49,865,309,807</b>	<b>769,826,078,466</b>	<b>455,426,585,664</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(159,359,984,426)</b>	<b>925,485,059,695</b>	<b>(666,545,795,332)</b>	<b>616,935,803,204</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>986,896,895,390</b>	<b>569,506,983,071</b>	<b>1,494,332,170,846</b>	<b>878,056,239,562</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		246,859,213	(659,871,920)	(2,605,337)	(659,871,920)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>827,783,770,177</b>	<b>1,494,332,170,846</b>	<b>827,783,770,177</b>	<b>1,494,332,170,846</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

*Trần Quế Tâm*

Trần Quế Tâm  
Người lập biểu

*Vũ Thị Mai Hân*

Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 633 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 473).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Mua bán thực phẩm Chăm sóc sức khỏe	Trước hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	90,15	90,15
(5) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	51
(6) Công ty TNHH MTV DPHARMA	Gián tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	100	100
(7) Công ty cổ phần Achison	Gián tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	60	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.19 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động mua bán, bảo hành, sửa chữa sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính, thiết bị tin học, điện thoại và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Tiền mặt	600,392,375	104,278,718
Tiền gửi ngân hàng	281,099,780,223	250,889,404,504
Các khoản tương đương tiền	546,000,570,579	1,243,319,109,624
Tiền đang chuyển	83,027,000	19,378,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>827,783,770,177</b>	<b>1,494,332,170,846</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	80,258,767,760	710,150,982,193
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	12,997,613,034	3,903,035,405
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	66,940,939,100	67,857,200,760
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,335,786,490,626	896,632,166,744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,495,983,810,520</b>	<b>1,678,543,385,102</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,429,865,601)	(10,526,141,193)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1,485,553,944,919</b>	<b>1,668,017,243,909</b>

**5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	1,498,998,482	24,922,978,600
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	3,759,835,186	-
Khác	32,216,376,895	57,584,316,463
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37,475,210,563</b>	<b>82,507,295,063</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(158,040,552)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>37,475,210,563</b>	<b>82,349,254,511</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	382,407,559	641,815,576
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Khác	31,517,624,117	29,553,575,691
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64,774,131,168</b>	<b>63,069,490,759</b>
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(33,836,684,129)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>31,900,031,676</b>	<b>29,232,806,630</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký quỹ	22,404,577,034	17,641,047,356

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	2,745,538,967,676	1,458,995,517,415
Hàng mua đang đi đường	646,809,383,666	1,402,704,766,823
Hàng gửi đi bán	19,343,908,965	47,535,469,814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33,004,574,671	324,036,426
Nguyên liệu, vật liệu	-	275,769,466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3,444,696,834,978</b>	<b>2,909,835,559,944</b>
Dự phòng HTK	(190,358,241,356)	(21,724,285,464)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>3,254,338,593,622</b>	<b>2,888,111,274,480</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí hoạt động	26,718,340,263	8,949,358,547
Công cụ, dụng cụ	358,172,833	497,804,830
	<b>27,076,513,096</b>	<b>9,447,163,377</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	2,263,234,293	1,149,122,012
Khác	6,696,185,070	3,989,238,389
	<b>8,959,419,363</b>	<b>5,138,360,401</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	22,510,497,438	5,484,832,427	30,960,165,854	3,372,022,706	62,327,518,425
Mua sắm	-	1,142,309,182	6,671,617,063	973,981,500	8,787,907,745
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	-	-	(135,240,144)	(135,240,144)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22,510,497,438</b>	<b>6,627,141,609</b>	<b>37,631,782,917</b>	<b>4,210,764,062</b>	<b>70,980,186,026</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	(11,070,109,507)	(4,261,426,269)	(9,916,544,629)	(2,976,414,033)	(28,224,494,438)
Thanh lý	-	-	-	135,240,144	135,240,144
Khấu hao trong năm	(942,092,872)	(1,397,001,387)	(7,950,707,444)	(318,186,530)	(10,607,988,233)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(12,012,202,379)</b>	<b>(5,658,427,656)</b>	<b>(17,867,252,073)</b>	<b>(3,159,360,419)</b>	<b>(38,697,242,527)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	11,440,387,931	1,223,406,158	21,043,621,225	395,608,673	34,103,023,987
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10,498,295,059</b>	<b>968,713,953</b>	<b>19,764,530,844</b>	<b>1,051,403,643</b>	<b>32,282,943,499</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	5,484,945,058	58,925,624,022	64,410,569,080
Mua sắm	4,757,728,148	-	4,757,728,148
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10,242,673,206</b>	<b>58,925,624,022</b>	<b>69,168,297,228</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	(4,029,924,091)	-	(4,029,924,091)
Khấu hao trong kỳ	(1,787,403,508)	-	(1,787,403,508)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(5,817,327,599)</b>	<b>-</b>	<b>(5,817,327,599)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	1,455,020,967	58,925,624,022	60,380,644,989
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4,425,345,607</b>	<b>58,925,624,022</b>	<b>63,350,969,629</b>

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.10%	9,951,720,320	49.10%	7,524,695,636
Công Ty Cổ Phần Việt Money Holding	21.86%	42,197,198,330	21.86%	47,150,877,701
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín	36.01%	9,934,867,979	36.01%	9,916,490,640
		<b>62,083,786,629</b>		<b>64,592,063,977</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ GIỜ SÓ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**12. LỢI THẺ THƯƠNG MẠI**

	VND
	<i>Lợi thẻ thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	6,715,967,015
Tăng trong năm	275,429,754,643
Số cuối kỳ	<u>282,145,721,658</u>
<b>Phân bổ lũy kế</b>	
Số đầu kỳ	(3,551,927,174)
Phân bổ trong năm	(1,538,447,272)
Số cuối kỳ	<u>(5,090,374,446)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu kỳ	3,164,039,841
Số cuối kỳ	<u><u>277,055,347,212</u></u>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Asus Global Pte. Ltd.	194,784,764,605	373,459,932,212
Acer Incorporated	-	263,648,178,234
Xiaomi H.K Limited	92,221,601,734	816,989,203,143
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	18,071,061,324	27,842,156,049
Nhà cung cấp khác	905,398,980,853	1,362,516,600,557
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>1,210,476,408,516</u></u>	<u><u>2,844,456,070,195</u></u>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
XIAOMI H.K Limited	82,372,732,130	34,104,038,527
Khác	13,570,579,574	38,071,254,146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>95,943,311,704</u></u>	<u><u>72,175,292,673</u></u>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	243,469,155,309	357,422,741,762
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	32,959,871,603	245,122,190,024
Chi phí lãi vay	13,706,288,394	2,401,133,561
Khác	16,375,682,001	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>306,510,997,307</u></u>	<u><u>604,946,065,347</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÔ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Thuế GTGT phải nộp	-	358,095,389
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37,475,657,473	70,531,715,698
Thuế thu nhập cá nhân	1,085,996,238	217,877,925
Các loại thuế khác	90,124,604	6,808,315
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38,651,778,315</u></b>	<b><u>71,114,497,327</u></b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi trả hộ	15,826,411,176	12,896,347,265
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2,376,521,165	2,041,619,953
Phải trả khác	269,230,218,001	1,651,637,830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>287,433,150,342</u></b>	<b><u>16,589,605,048</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	5,858,629,427	6,058,629,427
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5,858,629,427</u></b>	<b><u>6,058,629,427</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**17. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đánh giá lại	VND Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	1,117,227,937,872	9,942,637,010,218	(9,145,283,375,752)	244,803,655	1,914,826,375,993
Vay khác	-	41,100,000,000	-	-	41,100,000,000
	<b>1,117,227,937,872</b>	<b>9,983,737,010,218</b>	<b>(9,145,283,375,752)</b>	<b>244,803,655</b>	<b>1,955,926,375,993</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Ngân hàng	Số cuối kỳ VNĐ	Số cuối kỳ gốc USD	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	509,990,200,236		Ngày 06/02/2023 đến 28/02/2023	Từ 7.6% đến 7.95%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	481,479,514,813		Ngày 08/02/2023 đến 19/04/2023	Từ 7.8% đến 8.0%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	227,727,077,051		Ngày 25/01/2023 đến 23/02/2023	Từ 7.5% đến 8.12%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	215,128,034,000		Ngày 04/04/2023 đến 27/04/2023	7.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	320,943,620,000		Ngày 09/03/2023 đến 13/04/2023	8.00%	Không có tài sản đảm bảo
6 The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore)	159,557,929,893	6,737,803.72	Ngày 07/04/2023 đến 21/04/2023	6.00%	Không có tài sản đảm bảo
7 Trần Thị Kim Anh	41,100,000,000		Ngày 01/10/2021 đến 10/10/2025	12.00%	Thế chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,955,926,375,993</b>				



**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ**

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B09-DN/HN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431,517,470,000	61,233,761,416	- 6,272,937,166	400,000,000	670,148,634,480	1,559,365,036	1,158,586,293,766
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	-	12,000,000,000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	44,200,278,000	-	44,200,278,000
Phát hành cổ phiếu thưởng	442,002,780,000	-	-	-	442,002,780,000	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	654,372,803,966	525,847,650	654,898,651,616
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>885,520,250,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>- 6,272,937,166</u>	<u>400,000,000</u>	<u>838,318,380,446</u>	<u>2,085,212,686</u>	<u>1,781,284,667,382</u>
<b>Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885,520,250,000	61,233,761,416	- 6,272,937,166	400,000,000	838,318,380,446	2,085,212,686	1,781,284,667,382
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	22,000,000,000	-	-	-	-	-	22,000,000,000
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	90,597,556,000	-	90,597,556,000
Phát hành cổ phiếu thưởng (***)	724,779,180,000	-	-	-	724,779,180,000	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	30,000,000	-	-	-	30,000,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	683,783,287,082	26,841,334,813	710,624,621,895
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1,632,299,430,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>- 6,302,937,166</u>	<u>400,000,000</u>	<u>706,724,931,528</u>	<u>28,926,547,499</u>	<u>2,423,281,733,277</u>

(\*) Vào ngày 04 tháng 04 năm 2022, Công ty đã phát hành 2.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 22.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 2 năm 2022. Vào ngày 18 tháng 05 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 907.520.250.000VND.

(\*\*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022 ("Nghị quyết 02"), Hội đồng Quản Trị đã thông qua Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 06 năm 2022 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu được nhận 1.000VND) với tổng số tiền là 90.597.556.000VND.

(\*\*\*) Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 06 năm 2022, công bố phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 0,8:1 để tăng vốn cổ phần (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 0,8 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 13 tháng 07 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 72.477.918 cổ phiếu thưởng. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 07 năm 2022, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.632.299.430.000VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	163,229,943	88,552,025
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	163,229,943	88,552,025
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163,229,943	88,552,025
Cổ phiếu quỹ	(154,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(154,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	163,075,474	88,400,556
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163,075,474	88,400,556

**19. DOANH THU****19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>22,138,437,361,611</b>	<b>21,302,662,313,033</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,138,437,361,611	21,302,662,313,033
 <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(79,229,675,376)	(379,848,844,254)
 <b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>22,059,207,686,235</b>	<b>20,922,813,468,779</b>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,660,490,207	908,208,829
Lãi chênh lệch tỷ giá	79,289,335,109	64,038,403,300
Chiết khấu thanh toán được hưởng	82,663,685,137	78,600,195,237
Lãi trái phiếu	40,465,099,168	35,362,561,893
Khác	3,968,008,351	1,220,773,350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209,046,617,972</b>	<b>180,130,142,609</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	20,396,747,935,946	19,414,819,300,276
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20,396,747,935,946</b>	<b>19,414,819,300,276</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	38,976,960,657	31,886,522,705
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47,936,163,579	8,657,677,364
Chiết khấu thanh toán	1,498,551,482	-
Khác	55,621,231,478	1,823,278,800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144,032,907,196</b>	<b>42,367,478,869</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>721,767,972,398</b>	<b>708,282,903,403</b>
Chi phí nhân viên	60,930,398,366	59,638,270,610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39,544,531,887	42,250,025,599
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	523,618,034,136	558,822,982,817
Chi phí bằng tiền khác	97,675,008,009	47,571,624,377
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>135,821,551,618</b>	<b>113,703,929,084</b>
Chi phí nhân viên	59,634,599,295	49,308,763,264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29,810,488,663	22,702,454,178
Chi phí bằng tiền khác	46,376,463,660	41,692,711,642
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>857,589,524,016</b>	<b>821,986,832,487</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2,080,047,652</b>	<b>1,251,414,527</b>
Thu nhập khác	2,080,047,652	1,251,414,527
<b>Chi phí khác</b>	<b>7,769,877,426</b>	<b>2,804,554,398</b>
Các khoản chi phí khác	7,769,877,426	2,804,554,398
<b>LỢI NHUẬN THUẦN</b>	<b>(5,689,829,774)</b>	<b>(1,553,139,871)</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	20,396,747,935,946	19,414,819,300,276
Chi phí nhân công	120,564,997,661	108,947,033,874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,835,431,569	3,067,052,264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69,355,020,550	64,952,479,777
Chi phí bằng tiền khác	654,834,074,236	645,020,266,572
	<b>21,254,337,459,962</b>	<b>20,236,806,132,763</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>862,367,676,210</b>	<b>819,839,259,805</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20%</b>	<b>172,473,535,242</b>	<b>163,967,851,961</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
<i>Khác</i>	-	379,294,733
<i>Lỗi tính thuế từ công ty con,</i>	10,123,969,543	2,348,794,301
<i>Lỗi tính thuế từ công ty liên kết</i>	365,286,213	475,520,016
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	115,055,994	115,055,994
<i>Lỗi chuyển sang năm sau</i>	-	1,072,998,526
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	136,369,257	-
<i>Dự phòng đầu tư tái chính vào công ty con</i>	-	5,395,047,509
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	1,325,455,412	719,628,452
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>178,765,329,419</b>	<b>164,940,608,189</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đoàn Hồng Việt	199,683,000	188,522,033
Bà Đặng Kiện Phương	193,430,000	182,831,033
Bà Tô Hồng Trang	193,430,000	182,831,033
Ông Nguyễn Duy Tùng	120,000,000	120,000,000
Ông Trần Bảo Minh	120,000,000	120,000,000
Ông Hoàng Thông	-	15,000,000
Ông Nguyễn Tuấn Thành	-	15,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>826,543,000</b>	<b>824,184,099</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	683,783,287,082	654,372,803,966
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	162,001,357	157,412,091
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	4,221	4,157

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	50,353,899,927	21,710,719,957
Từ 1 đến 5 năm	156,313,098,372	59,480,505,617
Trên 5 năm	5,325,715,441	11,704,148,748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>211,992,713,740</b>	<b>92,895,374,322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

---

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Trần Quế Tâm  
Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Đoàn Hồng Việt  
Chủ tịch HĐQT

